

Số:149/BC-SCT

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 8/2019**

#### **1. Tình hình thị trường**

Trong tháng 8 năm 2019, giá cả các loại hàng hóa về cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Hàng hóa nhìn chung đa dạng, phong phú với nhiều chủng loại đáp ứng được nhu cầu mua sắm của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau:

Giá gà Sổng Thiến giữ ở mức 160.000-170.000 đ/kg, giá thịt lợn các loại dao động từ 80.000-90.000 đ/kg, giá vịt làng khoảng 70.000-80.000 đ/kg, Cá rô Phi 45.000 đ/kg, Cá Chép 70.000 đ/kg, Cá quả 100.000 đ/kg, Cá trắm (đen) 75.000 đ/kg, Bí xanh 13.000-15.000 đ/kg, Chanh 20.000 đ/kg, Khoai tây 15.000 đ/kg; Dưa chuột 13.000 đ/kg, Ngô ngọt 7.000 đ/bắp, Cà rốt 14.000 đ/kg, Mùng toi 5.000 đ/mớ, Chôm Chôm (thái) 60.000đ/kg, Lựu 30.000 đ/kg, Dưa hấu 20.000 đ/kg, Xoài 35.000đ/kg, Đào (Trung Quốc) 30.000 đ/kg, Măng cụt 40.000 đ/kg...

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chung toàn tỉnh tháng 8 tăng 0,34% so với tháng trước, do ảnh hưởng của một số nhóm hàng sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,39%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,31%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,27%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%...

Chỉ số giá vàng tháng 8 tăng 4,14% so với tháng trước. Do trong tháng giá vàng thế giới tăng mạnh kéo theo thị trường vàng trong nước biến động mạnh.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8 giảm 0,15% so với tháng trước.

#### **2. Tình hình mặt hàng thịt lợn trước diễn biến dịch tả lợn Châu Phi**

Qua tổng hợp và nắm tình hình thực tế, dịch tả lợn Châu phi đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2019 tất cả 11 huyện, thành phố của tỉnh công bố có dịch. Toàn tỉnh có 1737 thôn với 26,8 nghìn hộ có dịch, số lợn mắc bệnh là 152,4 nghìn con, đã tiêu hủy 152,4 nghìn con, với tổng trọng lượng là 8117 tấn. Ước tính giá trị thiệt hại là 365,3 tỷ đồng. Trong tháng 8, tổng số lợn mắc bệnh chết và tiêu hủy là 2233 con, giá trị thiệt hại ước tính 100,5 triệu đồng. Đến nay, đã có 105 xã trên toàn tỉnh đã qua 30 ngày không phát sinh thêm lợn mắc dịch tả lợn Châu Phi.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đàn lợn giảm mạnh so với cùng kỳ do dịch bệnh mặc dù giá thịt lợn hơi tăng cao (giá thịt lợn hơi trên thị trường hiện nay dao động trong khoảng 45 - 47 nghìn đồng/kg). Mặt hàng thịt lợn trong tháng 8 tăng 1,69%, mỡ lợn tăng 6,16%... do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi từ nhiều tháng trước, mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng tâm lý của người chăn nuôi chưa muốn tái đàn, mở rộng chăn nuôi do e ngại dịch bệnh và phải có thời gian để vệ sinh chuồng trại, tiêu độc khử trùng nên lượng thịt cung cấp ra thị trường giảm.

### **3. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát (có biểu kèm theo)**

- Giá Xăng, Dầu: tăng, giảm theo thị trường thế giới.
- Giá Gas: ngày 29/8/2019 giá 330.000 đ/bình 12kg.
- Giá Vàng và ngoại tệ USD:
  - + Giá Vàng bán ra 4.280.000đ/1chi, tăng 316.000đ/1 chi so với tháng trước;
  - + USD bán ra 23.265 đ/1USD tăng 5đ/1USD so với tháng trước;
  - + Giá đồng Nhân Dân Tệ (CNY) bán ra 3.280đ/1CNY, giảm 140đ/1CNY so với tháng trước;
- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 8/2019 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

### **4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo**

Dự báo trong tháng 9/2019 các loại mặt hàng thiết yếu, tiêu dùng có xu hướng ổn định, riêng một số mặt hàng xăng dầu, khí đốt hoá lỏng (LPG) sẽ tiếp tục có những biến động tăng, giảm theo tác động của thị trường thế giới./.

#### ***Nơi nhận:***

- Vụ TTTN - Bộ Công Thương (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC-TH, VP Sở;
- TTKC&XTM,
- Lưu: VT, QLTM.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hồng Thủy**

## GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

(Kèm theo Báo cáo số 149 /BC-SCT ngày 29 /8/2019 của SCT Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Tháng báo cáo	Tăng(+) giảm (-)
<b>1</b>	<b>Điện sinh hoạt</b>				
	+ Từ 0 - 50kw	đ/kw	1.678	1.678	
	+ Từ 51 – 100kw	đ/kw	1.734	1.734	
	+ Từ 101- 200kw	đ/kw	2.014	2.014	
	+ Từ 201 – 300kw	đ/kw	2.536	2.536	
	+ Từ 301 – 400kw	đ/kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401kw trở lên	đ/kw	2.927	2.927	
<b>2</b>	<b>Than tổ ong</b>	đ/viên	2.500	2.500	
<b>3</b>	<b>Sắt</b>				
	-Sắt xây dựng	đ/kg	14.500 – 15.000	16.000	+1.000
	Thép hộp mạ kẽm	đ/kg	18.000	20.000	+2.000
<b>4</b>	<b>Thép tròn φ6, φ8</b>	đ/kg	11.550	15.000	+3.450
<b>5</b>	<b>Ngói Hạ Long</b>	đ/viên	14.500	15.000	+500
<b>6</b>	<b>Xi măng</b>				
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1050.000	1050.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.540.000	1.540.000	
	- Sỏi Xây dựng	đ/khối	180.000	180.000	
	- Cát Xây	đ/khối	240.000	240.000	
	- Cát vàng loại 1	đ/khối	380.000	380.000	
	+ Cát vàng loại 2	đ/khối	360.000	360.000	
	- Cát chất	đ/khối	190.000	190.000	
<b>7</b>	<b>Giá xăng dầu (trong tháng 8/2019 đã có 2 lần điều chỉnh)</b>				
	* Lần 1 điều chỉnh ngày 01/8/2019				
	-Xăng A95	đ/lít	21.800	21.430	-370
	- Xăng E5	đ/lít	20.670	20.290	-380
	- Dầu Diezen 0.05%	đ/lít	17.320	17.360	+40
	* Lần 2 giảm giá ngày 16/8/2019				
	-Xăng A95	đ/lít	21.430	20.910	-520
	- Xăng E5	đ/lít	20.290	19.730	-560
	- Dầu Diezen 0.05%	đ/lít	17.360	16.830	-530

	- Gas Hanoi Petro bình 12 kg	đ/bình	330.000	330.000	
<b>8</b>	<b>Phân bón</b>				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	7.600	7.600	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	6.520	6.520	
<b>9</b>	<b>Vở học sinh (48 trang)</b>	đ/quyển	11.000	12.000	+1.000
<b>10</b>	<b>Đường</b>	đ/kg	21.000	22.000	+1.000
<b>11</b>	<b>Sữa đậu nành Fami nguyên chất</b>	đ/lít	17.200	17.200	
	Sữa đặc hộp 300-400g nhãn Ông Thọ - Vinamilk	đ/hộp	27.500	27.500	
	Sữa bột Nuti IQ Step 4HG 400G/24	đ/hộp	66.000	66.000	
	Bột ăn dặm RiDielac 200g (heo bọ)	đ/hộp	48.500	48.500	
	Dielac alpha Step 3 HT 900g/12	đ/hộp	142.000	142.000	
	Sữa bột hộp sắt 400g, nhãn ENSURE	đ/hộp	323.000	323.000	
<b>12</b>	<b>Muối I ốt tinh (Biển Xanh)</b>	950g	6.500	7.000	+500
<b>13</b>	<b>Lương thực, thực phẩm</b>				
	- Gạo bao thai mới thất khô	đ/kg	19.000	19.000	
	- Gạo nếp mới Thất khô	đ/kg	30.000	30.000	
	- Gạo C dẻo mới	đ/kg	14.000	14.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	40.000	47.000	+7.000
	- Mỡ khô	đ/kg	45.000	60.000	+15.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	90.000	90.000	
	- Thịt mông, vai	đ/kg	80.000	90.000	+10.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	65.000	80.000	+15.000
	- Thịt lợn mông sấn	đ/kg	80.000	90.000	+10.000
	- Thịt thủ	đ/kg	40.000	50.000	+10.000
	- Mỡ lợn	đ/kg	50.000	60.000	+10.000
	- Thăn bò	đ/kg	300.000	310.000	
	- Bắp bò	đ/kg	300.000	310.000	
	- Nạm	đ/kg	170.000	180.000	
	- Sườn lợn	đ/kg	100.000	110.000	+10.000
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	70.000	70.000	
	- Cá trắm (đen)	đ/kg	80.000	75.000	-5.000
	- Gà giò	đ/kg	155.000	170.000	+15.000
	- Gà Sổng Thiên	đ/kg	165.000	165.000	
<b>14</b>	<b>Thức ăn chăn nuôi tổng hợp</b>				
	- Cám gà	đ/kg	7.000	7.000	

	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	10.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	8.000	8.000	
<b>15</b>	Vàng SJC (bán ra)	đ/chi	3.964.000	4.280.000	+316.000
<b>16</b>	Đồng USD (bán ra)	đ/USD	23.260	23.265	+5
<b>17</b>	Đồng Nhân Dân Tệ (CNY)	đ/CNY	3.420	3.280	-140